

Chơn Thành, ngày 01 tháng 7 năm 2020

Số:144/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 171/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa Nguyên đơn ông Trần Quang S, sinh năm: 1986; Địa chỉ (HKTT): xã Q, huyện C, tỉnh B; Bị đơn: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm: 1986; Địa chỉ (HKTT): xã Q, huyện C, tỉnh B; nơi cư trú hiện nay(tạm trú): ấp 3B, xã M, huyện C, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2020

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Trần Quang S và bà Trần Thị Thanh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Quang B, sinh ngày 24/10/2010 và Trần Quang Đ, sinh ngày 04/5/2012 cho bà To được quyền trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung:

Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự về việc chia tài sản chung là 01 xe ô tô biển số đăng ký: 93A- 143.37, số khung 51A4KC146849, số máy: G4LAJP110149. Loại xe (Type) ô tô con, màu sơn (Color) Vàng, giấy chứng nhận

đăng ký xe ô tô số (Number): 023921 được công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 17/01/2019, chủ sở hữu là bà Trần Thị Thanh T cho bà T được quyền quản lý, sử dụng. Bà T không phải trả lại giá trị xe cho ông S.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí: Ông Trần Quang S tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004246 ngày 03/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành. Hoàn trả lại cho ông Trần Quang S số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh BP;
- Chi cục THADS Chơn Thành;
- VKS huyện Chơn Thành;
- UBND xã Quang Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trương Quốc Khánh